

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/08/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Ông Hà Ứng Cương.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Kiều Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Lâm Sễn** – Kiểm Sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 243/2023/TLST – HNGĐ, ngày 10 tháng 07 năm 2023 về việc “ *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Thị Kim Ng**, sinh năm 2001.

Địa chỉ: ấp Hòa Thuận, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Nguyệt có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Anh **Danh Trí Đ**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp Phước Chung, xã Mong Thọ B, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Đại vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/07/2023, và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị Kim Ng trình bày:* Vào năm 2017, chị và anh

Danh Trí Đ quen biết nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật được UBND xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 97, ngày 30/7/2019.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 người con chung là cháu Danh Hoàng Thành Đ, sinh ngày 10/04/2018, hiện nay cháu Đạt đang được anh Đại nuôi dưỡng, chăm sóc, chị Ng tự nguyện giao cháu Đ cho anh Đại chăm sóc, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung chị Nguyệt xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Ng xác định vợ chồng anh chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hay bất đồng ý kiến, quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau dù rằng hai vợ chồng đã cố gắng tìm tiếng nói chung nhưng không thành, từ đó dẫn đến hai bên không còn tình cảm, cuộc sống không còn hạnh phúc và chị Ng, anh Đ đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Do tình cảm vợ chồng giữa chị Ng và anh Đ đã rạn nứt, không thể hàn gắn nên chị Ng làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án yêu cầu như sau:

- *Về hôn nhân*: Xin được ly hôn với anh Danh Trí Đ.

- *Về con chung*: Có 01 người con chung là cháu Danh Hoàng Thành Đạt, sinh ngày 10/04/2018, hiện nay cháu Đ đang được anh Đại nuôi dưỡng, chăm sóc, chị Ng tự nguyện giao cháu Đ cho anh Đ chăm sóc, chị không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp, anh Danh Trí Đ yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con thì chị Nguyệt sẽ cấp dưỡng với số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Danh Trí Đại trình bày*: Anh và chị Thị Kim Ng có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 người con chung là cháu Danh Hoàng Thành Đ, sinh ngày 10/04/2018 hiện đang sống cùng anh Đạt.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống giữa anh và chị Ng thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng thời gian sau anh Đạt phát hiện vợ mình có người đàn ông khác bên ngoài, có lần anh Đạt bắt gặp chị Nguyệt cùng người đàn ông khác trong phòng trọ ở Thanh Lộc và anh có đánh vợ nhưng vì thương vợ nên anh đã bỏ qua, nay chị Ng làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án thì ý kiến anh Đ như sau:

Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Thị Kim Ng vì anh còn thương vợ, đồng ý bỏ qua lỗi lầm của vợ và không nhắc đến chuyện quá khứ của vợ.

Về con chung: Yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Danh Hoàng Thành Đạt, sinh ngày 10/04/2018 hiện đang sống cùng anh Đạt và yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị Kim Nguyệt được ly hôn với anh Danh Trí Đạt.

Về con chung: Giao cháu Danh Hoàng Thành Đạt, sinh ngày 10/04/2018 hiện đang sống cùng anh Đ cho anh Đ nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyệt cấp dưỡng nuôi cháu Đạt là 1.200.000đ/tháng cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Nguyệt và anh Đạt xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Chị Ng và anh Đạt xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét là phù hợp với quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] – Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Chị Thị Kim Ng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với anh Danh Trí Đ, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Đồng thời, bị đơn anh Danh Trí Đ có địa chỉ cư trú tại ấp Phước Chung, xã Mong Thọ B, huyện Châu Th, Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[1.2] – Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Danh Trí Đ đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 theo quy định pháp luật nhưng anh Đại vắng mặt không lý do nên hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] - Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị Kim Ng yêu cầu ly hôn với anh Danh Trí Đại, Hội đồng xét xử xét thấy rằng chị Ng và anh Đ xác định anh chị xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 97/2019, ngày 30/07/2019 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyệt và anh Đại đều xác nhận anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau. Trong quá trình chung sống anh Đại phát hiện chị Nguyệt có người đàn ông khác bên ngoài, có lần anh Đại trực tiếp bắt gặp chị Nguyệt ở cùng người đàn ông khác tại phòng trọ ở xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên anh Đại không kiềm chế được đã đánh chị Nguyệt, sự việc sau đó hai vợ chồng đã tự hòa giải nhưng thực tế mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nguyệt và anh Đại vẫn còn. Theo chị Nguyệt anh Đại nhiều lần nhắc đến chuyện quá khứ của chị và có những lời lẽ lăng mạ, xúc phạm chị Nguyệt do đó mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên nhiều lần để chị Nguyệt và anh Đại hàn gắn đoàn tụ nhưng chị Nguyệt vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, trên thực tế vợ chồng anh chị đã ly thân, không sống chung với nhau từ năm 2021 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng chị Nguyệt đã không còn tự nguyện sống chung với anh Đại nữa, đồng thời mâu thuẫn giữa chị Nguyệt và anh Đại đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyệt yêu cầu ly hôn với anh Đại là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] - Về con chung: Chị Nguyệt và anh Đại đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 người con chung là cháu Danh Hoàng Thành Đạt, sinh ngày 10/04/2018 hiện đang sống cùng anh Đại. Thấy rằng anh Đại có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đạt và chị Nguyệt cũng thống nhất giao con cho anh Đại nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Đạt cho anh Đại chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu của anh Đại về việc cấp dưỡng nuôi con: anh Đại yêu cầu chị Nguyệt cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng là vượt mức so với quy định của pháp luật, chị Ng tự nguyện thống nhất cấp dưỡng nuôi con 1.200.000đ/tháng đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị Nguyệt có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

[4] - Về tài sản chung: Chị Ng và anh Đ xác định rằng anh chị không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] - Về nợ chung: Chị Ng và anh Đ xác định rằng anh chị không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Kim Nguyệt về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[7] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc chị Nguyệt phải chịu các khoản án phí gồm: án phí ly hôn với số tiền là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng với số tiền là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng nhưng chị Nguyệt được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000876 ngày 05/07/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên

Giang, chị Nguyệt còn phải nộp thêm 300.000 đồng. Anh Đại không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 2, các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên Xur:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Kim Ng về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung ” với bị đơn anh Danh Trí Đ

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thị Kim Ng được ly hôn với anh Danh Trí Đ.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Danh Hoàng Thành Đạt, sinh ngày 10/04/2018 cho anh Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Nguyệt có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị Ng đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.200.000đ/tháng cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng lần đầu được bắt đầu từ ngày xét xử ngày 21/08/2023(dương lịch) và được thực hiện vào ngày 21 hàng tháng (dương lịch) cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung: Chị Ng và anh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Nguyệt và anh Đại xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Buộc chị Ng phải chịu các khoản án phí gồm: án phí ly hôn với

số tiền là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng với số tiền là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng nhưng chị Nguyệt được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000876 ngày 05/07/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Nguyệt còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA – PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

